

Topic 07

IGCSE Computer Science · Vocabulary

English	中文	Pinyin
program development life cycle	程序开发生命周期	chéng xù kāi fā shēng mìng zhōu qī
analysis	分析	fēn xī
design	设计	shè jì
coding	编码	biān mǎ
testing	测试	cè shì
abstraction	抽象	chōu xiàng
decomposition	分解	fēn jiě
sub-systems	子系统	zǐ xì tǒng
structure diagram	结构图	jié gòu tú
iterative testing	迭代测试	dié dài cè shì
test data	测试数据	cè shì shù jù
flowchart	流程图	liú chéng tú
pseudocode	伪代码	wěi dài mǎ
algorithm	算法	suàn fǎ
input	输入	shū rù
processing	处理	chǔ lǐ
output	输出	shū chū
validation	验证	yàn zhèng
range check	范围检查	fàn wéi jiǎn chá
length check	长度检查	cháng dù jiǎn chá
type check	类型检查	lèi xíng jiǎn chá
presence check	存在性检查	cún zài xìng jiǎn chá
format check	格式检查	gé shì jiǎn chá
check digit	校验码	jiào yàn mǎ
verification	核实	hé shí
visual check	目视检查	mù shì jiǎn chá
double entry	双重输入	shuāng chóng shū rù
trace table	追踪表	zhuī zōng biǎo
normal	正常数据	zhèng cháng shù jù
abnormal	异常数据	yì cháng shù jù
extreme	极端数据	jí duān shù jù
boundary	边界数据	biān jiè shù jù
linear search	线性查找	xiàn xìng chá zhǎo
bubble sort	冒泡排序	mào pào pái xù
totalling	求和	qiú hé
counting	计数	jì shù
maximum	最大值	zuì dà zhí
minimum	最小值	zuì xiǎo zhí
average	平均值	píng jūn zhí